TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bằng

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn,tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Ch, sinh năm 1993; Địa chỉ HKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Khương Mạnh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện,những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Kiều Thị Chinh trình bày: Chị kết hôn với anh Khương Mạnh T ngày 12/3/2015 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh T không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 7 năm 2020 chị về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành và vợ chồng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Khương Nhất Ph, sinh ngày 19/6/2015 và Khương Ngọc Phong V, sinh ngày 20/10/2019. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Khương Mạnh T đã được Tòa án thực hiện việc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Anh T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của chị Ch. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt mặc dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình xác định anh T biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Ch và anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Kiều Thị Ch được ly hôn anh Khương Mạnh T. Về nuôi con: Đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là cháu Ph và cháu V. Hiện nay con đang ở cùng anh T. Chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Nếu sau này anh T đề nghị giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết.Về án phí: Chị Ch phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Khương Mạnh T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Khương Mạnh T vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh Toàn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ch và anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay nhưng hai bên đều không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Xác minh UBND xã Đ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Ch và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị Ch xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh T cố tình gây khó khăn cho chị Ch và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Khương Nhất Ph, sinh ngày 19/6/2015 và Khương Ngọc Phong V, sinh ngày 20/10/2019. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh T. Ly hôn chị Ch đề nghị để anh T xét thấy mặc dù anh T được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng quá trình giải quyết vụ án cháu Ph có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố. Hơn nữa kể từ thời điểm sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con đều đang học tập tại xã Đ, thường xuyên liên tục ở cùng anh T và mẹ đẻ anh Toàn và gia đình anh T vẫn đảm bảo điều kiện tốt về học tập và sinh hoạt cho cả hai cháu. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của

con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này nếu anh Toàn có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị Ch không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị Ch.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Ch được ly hôn anh Khương Mạnh T.

2. Về nuôi con: Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Khương Nhất Ph, sinh ngày 19/6/2015 và Khương Ngọc Phong V, sinh ngày 20/10/2019. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh T. Chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Kiều Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002707 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Ch đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng